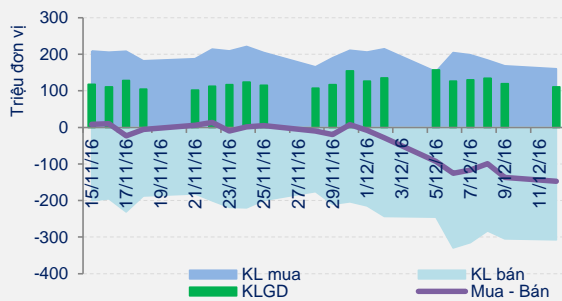
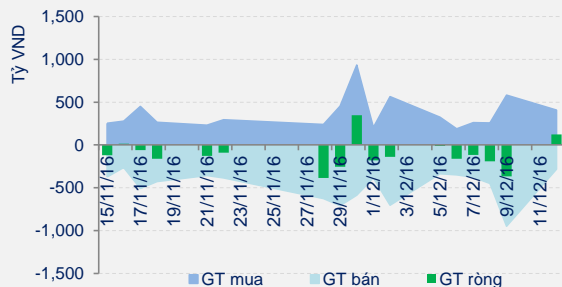


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/12/2016

| Thống kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 659.70      | 78.79      |
| % Thay đổi          | ↓ -0.51%    | ↓ -1.03%   |
| KLGD (CP)           | 111,179,368 | 47,481,737 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 2,300.16    | 402.77     |
| Tổng cung (CP)      | 307,538,970 | 75,730,200 |
| Tổng cầu (CP)       | 160,279,880 | 56,801,200 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX     |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP)       | 8,765,270 | 193,839 |
| KL mua (CP)       | 6,651,120 | 883,100 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 407.21    | 11.20   |
| GT bán (tỷ đồng)  | 282.71    | 1.93    |
| GT ròng (tỷ đồng) | 124.50    | 9.28    |

**Tương quan cung cầu**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN**


| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -1.21%   | 10.1 | 1.9 | 1.9%  |
| Công nghiệp         | ↓ -1.85%   | 18.0 | 3.6 | 36.8% |
| Dầu khí             | ↑ 2.27%    | 13.6 | 0.6 | 4.7%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -1.06%   | 19.3 | 4.2 | 2.4%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↓ -1.77%   | 24.9 | 3.0 | 1.0%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.54%    | 18.9 | 6.6 | 13.9% |
| Ngân hàng           | ↓ -0.98%   | 12.7 | 1.7 | 3.9%  |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.63%   | 10.3 | 2.0 | 14.5% |
| Tài chính           | ↓ -1.18%   | 25.1 | 2.7 | 19.7% |
| Tiền ích Cộng đồng  | ↓ -0.19%   | 19.7 | 2.7 | 1.1%  |
| VN - Index          | ↓ -0.51%   | 16.4 | 4.0 | 97.1% |
| HNX - Index         | ↓ -1.03%   | 10.1 | 1.5 | 2.9%  |

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầu tuần khép lại với sắc đỏ là chủ đạo trên thị trường. Kết phiên giao dịch, VN-Index giảm 3,37 điểm (0,51%) xuống mức 659,7 điểm; HNX-Index giảm mạnh 0,82 điểm (1,03%) về mức 78,79 điểm. Giá trị giao dịch trên 2 sàn ở mức trung bình với 2.734 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 159 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 559 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là rất tiêu cực trong phiên hôm nay với chỉ 119 mã tăng, 76 mã đứng giá và tụt 392 mã giảm. Áp lực cung lớn từ các cổ phiếu lớn như VNM, CTG, ROS, BVH, VCB, VCG, PHP, PTI, SHB đã ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường. VNM được khối ngoại mua ròng mạnh với 961 nghìn cổ phiếu, nhưng vẫn giảm 2.100 đồng (1,5%) và là nhân tố lớn nhất đóng góp vào số điểm giảm của VN-Index. Ở chiều tích cực, cổ phiếu lớn nhất ngành bia là SAB đã tăng trần, nhưng cũng không đủ sức đưa thị trường trở lại sắc xanh. Các cổ phiếu bia khác như WSB, SMB, BSP tiếp tục giảm sâu trong phiên hôm nay. Một số cổ phiếu trong nhóm bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng có diễn biến tiêu cực khi đều giảm sàn trong phiên hôm nay như KBC, HAR, FLC, TTF, C32. Đặc biệt, cổ phiếu HQC có phiên giảm sàn liên tiếp thứ 9, với tình trạng trắng bên mua về cuối phiên. Nhóm cao su với DPR, PHR, TNC, TRC vẫn duy trì đà tăng tích cực. Cổ phiếu dầu khí có phản ứng không như kỳ vọng trước tin giá dầu tăng mạnh, khi chỉ tăng nhẹ ở PVC, PVS, PVD và thậm chí giảm ở PXS, GAS chỉ tham chiếu về cuối phiên.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Với phiên điều chỉnh này của VN-Index, thì tín hiệu trong ngắn hạn đã chuyển từ tích cực sang trung tính và xu hướng trong trung hạn vẫn ở mức tiêu cực. Nên theo chúng tôi, trong phiên ngày mai, VN-Index có thể sẽ hồi phục nhẹ để cố gắng vượt qua mốc kháng cự gần nhất tại 660 điểm (MA10), nếu thành công thì chỉ số sẽ hướng đến mốc kháng cự tiếp theo tại 667 điểm (MA100). Tuy nhiên, nhà đầu tư cần thận trọng trong giai đoạn này vì đây có thể chỉ là nhịp hồi phục trong ngắn hạn của thị trường. Nếu kịch bản tiêu cực xảy ra thì hỗ trợ gần nhất sẽ tại 657 điểm (MA5). Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục ở mức thấp và quan sát những diễn biến tiếp theo của thị trường.

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

**VN-Index:**

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/12/2016

VN-Index tăng nhẹ trong khoảng 45 phút đầu phiên giao dịch, lên mức cao nhất tại 664,67 điểm. Trong khoảng thời gian còn lại, chỉ số chìm xuống sắc đỏ, với mức đáy đạt được vào 14h tại 658,84 điểm. Cuối phiên, xuất hiện lực đỡ nhẹ. Kết phiên, VN-Index giảm 3,37 điểm (0,51%) xuống mức 659,7 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VNM giảm 2.100 đồng, CTG giảm 400 đồng, ROS giảm 3.200 đồng. Ở chiều ngược lại, SAB tăng trần 11.300 đồng.

## HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong khoảng 1 tiếng đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 80,03 điểm. Thời gian còn lại, chỉ số giảm điểm tiêu cực với đà giảm tăng dần về cuối phiên, với mức thấp nhất lúc 14h30 tại 78,66 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,82 điểm (1,03%) xuống mức 78,79 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VCG giảm 1.200 đồng, PHP giảm 1.300 đồng, PTI giảm 2.800 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS tăng 400 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 125 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 2,1 triệu cổ phiếu. VNM là mã được mua ròng nhiều nhất với 128 tỷ đồng tương ứng với 961 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCB với 12 tỷ đồng tương ứng với 351 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 12 tỷ đồng tương ứng với 299 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị 9 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 689 nghìn cổ phiếu. PMC là mã được mua ròng nhiều nhất với 3,9 tỷ đồng tương ứng với 55 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VKC với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 112 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BVS là mã bị bán ròng nhiều nhất với 678 triệu đồng tương ứng với 43 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Nhiều tín hiệu lạc quan cho kinh tế Việt Nam năm 2017

Theo báo cáo Dự báo kinh tế Việt Nam & Các kênh đầu tư 2017 do TS. Đinh Thế Hiển và Nhóm phân tích đầu tư tài chính VFA thực hiện: Kinh tế Mỹ và châu Âu hồi phục giúp Việt Nam tăng xuất khẩu, dòng vốn FDI được dự báo tăng sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế và việc làm, tiến trình tái cơ cấu kinh tế và cải cách thể chế thông thoáng hơn giúp cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia và tăng khả năng thu hút đầu tư.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index giảm điểm sau 3 phiên tăng điểm liên tiếp. Với phiên giảm điểm này, tín hiệu trong ngắn hạn của chỉ số chuyển từ tích cực sang trung tính với hỗ trợ tại 657 điểm (MA5) và kháng cự tại 660 điểm (MA10). Tín hiệu trong trung hạn vẫn duy trì ở mức tiêu cực với kháng cự gần nhất tại 668 điểm (MA20). Xu hướng dài hạn của VN-Index tiếp tục được duy trì ở mức trung tính với kháng cự tại 667 điểm (MA100) và hỗ trợ tại 637 điểm (MA200). Chúng tôi dự đoán, trong phiên ngày mai, VN-Index có thể tăng điểm để vượt qua mốc kháng cự 660 điểm, nếu thất bại thì chỉ số sẽ lùi về tìm kiếm lực cầu tại hỗ trợ gần nhất tại 657 điểm.

### HNX-Index:



HNX-Index giảm điểm mạnh, tạo thành nền đỡ lớn khá tiêu cực. Với phiên giảm điểm này, tín hiệu trong ngắn hạn của chỉ số là tiêu cực với vùng kháng cự trong khoảng 79,3-80 điểm (MA5-10). Tín hiệu trong trung hạn tiếp tục duy trì ở mức tiêu cực với kháng cự gần nhất tại 80,5 điểm (MA20). Xu hướng dài hạn của HNX-Index là tiêu cực với kháng cự tạo thành bởi MA200 tại 82,4 điểm. Chúng tôi dự đoán, trong phiên ngày mai, HNX-Index có thể hồi phục để hướng đến kháng cự gần nhất tại 79,3 điểm, nếu điều chỉnh xảy ra thì hỗ trợ gần nhất của chỉ số ở mức 78,1 điểm (đáy phiên giao dịch 11/9).



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước tăng**

Tại thời điểm 15 giờ 10 phút, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 35,9 - 36,2 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với giá kết phiên giao dịch trước ở mức 35,8 - 36,2 triệu đồng/lượng.

**Tỷ giá trung tâm tăng 8 đồng**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ, áp dụng cho ngày hôm nay là 22.125 đồng, tăng 8 đồng so với tỷ giá cuối tuần qua.

## TIN QUỐC TẾ

**Giá vàng thế giới giảm**

Tại thời điểm 15 giờ 15 phút (giờ Việt Nam), giá vàng thế giới giao ngay giảm 5,55 USD/ounce tương ứng 0,47% xuống mức 1.156,35 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm**

Tính tới 15 giờ 15 phút (giờ Việt Nam), chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,06 điểm tương ứng 0,06% xuống 101,54 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,057 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1.2606 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,91 JPY.

**Giá dầu thế giới tăng mạnh**

Tại thời điểm 15 giờ 10 phút (giờ Việt Nam), giá dầu thô nặng Brent Oil giao ngay tăng 2,9 USD tương ứng 5,36% lên 57,23 USD/thùng. Giá dầu thô ngọt nhẹ Crude Oil giao ngay tăng 2,96 USD tương ứng 5,75% lên 54,46 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ tăng điểm**

Kết phiên giao dịch ngày 9/12, Chỉ số Dow Jones tăng 142,04 điểm tương ứng 0,72% lên 19.756,85 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 27,14 điểm tương ứng 0,5% lên 5.444,5 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 13,34 điểm tương ứng 0,59% lên 2.259,53 điểm.



### DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

| Mã CP | Ngày mua  | Vùng mua | Giá hiện tại | Lãi/lỗ | Dừng lỗ | Mục tiêu | Thời gian | Trạng thái |
|-------|-----------|----------|--------------|--------|---------|----------|-----------|------------|
| VNS   | 2/12/2016 | 32-33    | 31.7         | -1.2%  | 30      | 40       | 3 tháng   | Đang mở    |

#### Lưu ý tiêu chí chọn cổ phiếu:

- Doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng đều qua các quý/năm (hoặc) có chuyển biến nội tại tích cực về năng lực tài chính, KQKD trong ngắn/dài hạn. Ngoài ra các khuyến nghị cũng có thể dựa trên thuần túy phân tích kỹ thuật.

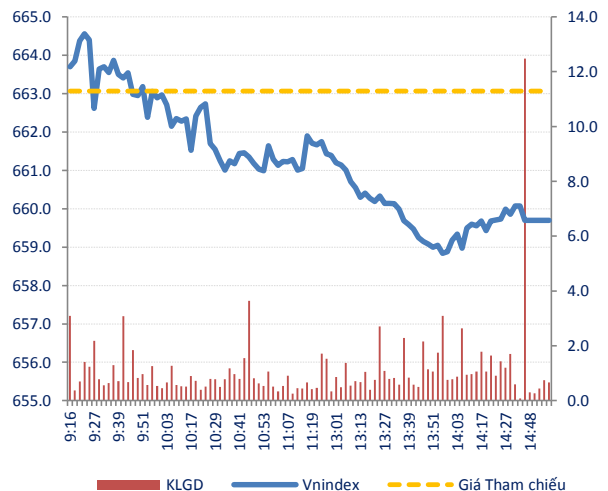
- Các khuyến nghị bán được thực hiện không chỉ dựa trên mức giá mục tiêu, giá stop loss mà còn phụ thuộc tình hình thị trường chung thay đổi (hoặc) cổ phiếu vẫn hoạt động tốt nên chúng tôi tiếp tục cho cổ phiếu chạy, dời mức trailing stop về 7 đến 8% so với giá đóng cửa cao nhất mà cổ phiếu này đạt được (hoặc) cổ phiếu chuyển sang giai đoạn hoạt động kém hiệu quả nên mức stoploss/mức giá mục tiêu bị dời lại.

### CẬP NHẬT TÌNH HÌNH DN TRONG DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

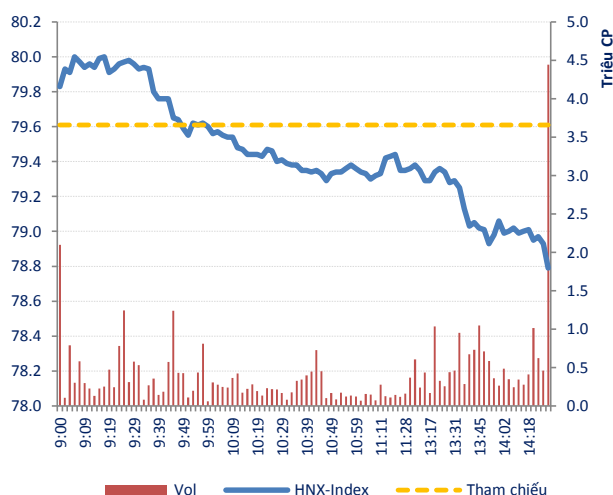
Chi tiết khuyến nghị cổ phiếu trình bày trong bản tin tuần 28/11-02/12/2016.

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH

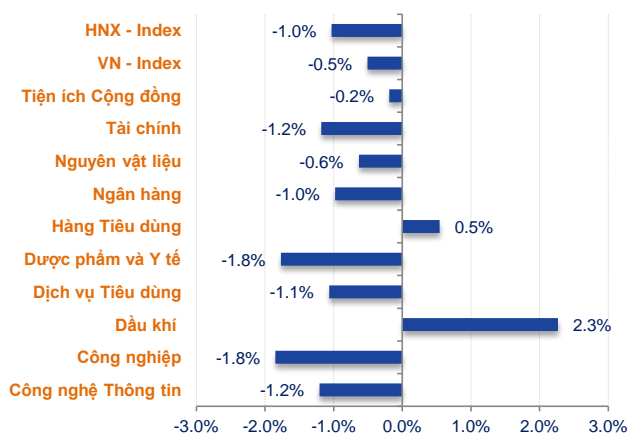
### KLGD và VN-Index trong phiên



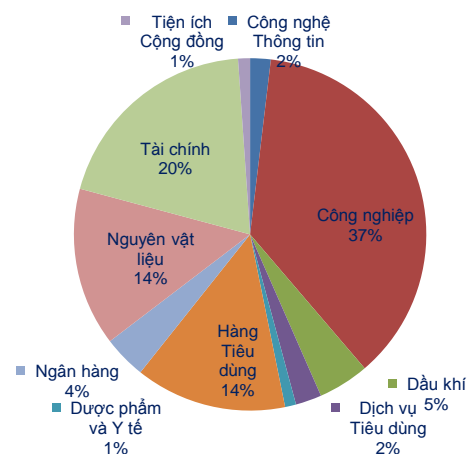
### KLGD và HNX-Index trong phiên



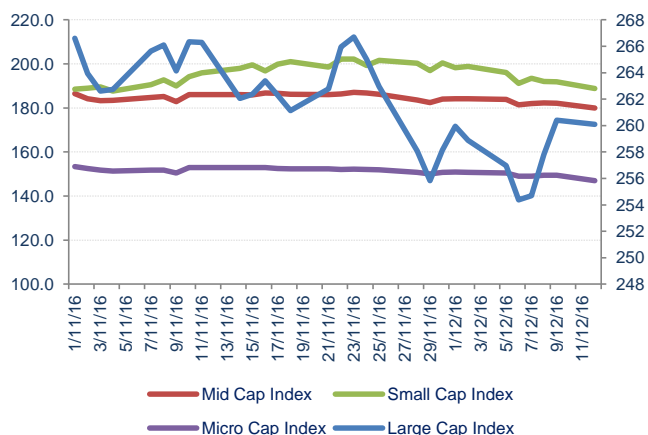
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



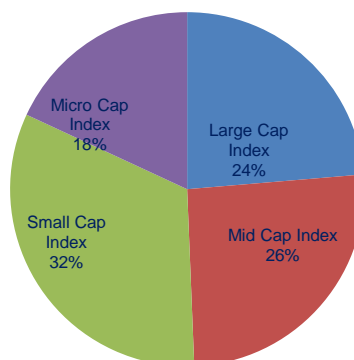
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | VNM   | 961,490     | HAG   | 963,110     |
| 2  | VCB   | 350,710     | STB   | 703,590     |
| 3  | PC1   | 265,000     | DXG   | 413,310     |
| 4  | HBC   | 153,320     | PHR   | 383,210     |
| 5  | HSG   | 148,150     | PVD   | 336,960     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | TIG   | 281,500     | SPI   | 50,000      |
| 2  | PVC   | 123,500     | BVS   | 42,980      |
| 3  | VKC   | 112,000     | MBG   | 29,500      |
| 4  | SDH   | 76,700      | BPC   | 6,000       |
| 5  | PMC   | 55,400      | TEG   | 5,000       |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| FLC | 5.5        | 5.1      | ↓ -6.93% | 12,116,010 |
| ITA | 4.5        | 4.3      | ↓ -4.02% | 8,018,480  |
| KBC | 14.5       | 13.5     | ↓ -6.92% | 4,123,970  |
| ASM | 14.8       | 14.8     | ↓ -0.34% | 3,810,860  |
| HAG | 5.5        | 5.6      | ↑ 0.90%  | 3,300,300  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| KLF | 2.7        | 2.5      | ↓ -7.41% | 6,122,165 |
| PVS | 16.7       | 17.1     | ↑ 2.40%  | 4,276,214 |
| FID | 1.8        | 1.7      | ↓ -5.56% | 3,321,400 |
| SHB | 4.9        | 4.7      | ↓ -4.08% | 2,880,166 |
| SHN | 12.6       | 13.0     | ↑ 3.17%  | 2,653,460 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| SAB | 161.5      | 172.8    | 11.3 | ↑ 7.00% |
| HID | 20.1       | 21.5     | 1.4  | ↑ 6.98% |
| DTT | 8.8        | 9.5      | 0.6  | ↑ 6.90% |
| LGL | 7.5        | 8.0      | 0.5  | ↑ 6.81% |
| TCO | 10.3       | 11.0     | 0.7  | ↑ 6.80% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| KST | 4.3        | 5.5      | 1.2 | ↑ 27.91% |
| PPP | 10.0       | 11.0     | 1.0 | ↑ 10.00% |
| DST | 31.2       | 34.3     | 3.1 | ↑ 9.94%  |
| TET | 24.8       | 27.2     | 2.4 | ↑ 9.68%  |
| DLR | 10.5       | 11.5     | 1.0 | ↑ 9.52%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| CCI | 12.2       | 11.3     | -0.9 | ↓ -7.00% |
| HU3 | 9.4        | 8.8      | -0.7 | ↓ -7.00% |
| GIL | 47.3       | 44.0     | -3.3 | ↓ -6.98% |
| TVS | 9.5        | 8.8      | -0.7 | ↓ -6.95% |
| C47 | 9.5        | 8.8      | -0.7 | ↓ -6.95% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| HAT | 58.0       | 52.2     | -5.8 | ↓ -10.00% |
| KMT | 11.0       | 9.9      | -1.1 | ↓ -10.00% |
| KDM | 12.0       | 10.8     | -1.2 | ↓ -10.00% |
| PMS | 27.1       | 24.4     | -2.7 | ↓ -9.96%  |
| VE9 | 7.1        | 6.4      | -0.7 | ↓ -9.86%  |

(\*) Giá điều chỉnh





## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|---------|-------|-----|
| FLC | 12,116,010 | 13.4% | 1,731   | 2.9   | 0.4 |
| ITA | 8,018,480  | 0.3%  | 29      | 146.4 | 0.4 |
| KBC | 4,123,970  | 9.5%  | 1,689   | 8.0   | 0.8 |
| ASM | 3,810,860  | 8.3%  | 950     | 15.5  | 1.2 |
| HAG | 3,300,300  | -8.4% | (1,851) | -     | 0.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-----|-----|
| KLF | 6,122,165 | -0.5% | (55)  | -   | 0.2 |
| PVS | 4,276,214 | 8.9%  | 2,366 | 7.2 | 0.7 |
| FID | 3,321,400 | 3.6%  | 439   | 3.9 | 0.2 |
| SHB | 2,880,166 | 7.4%  | 901   | 5.2 | 0.4 |
| SHN | 2,653,460 | 52.4% | 7,604 | 1.7 | 1.2 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| SAB | ↑ 7.0% | 28.1% | 6,335 | 27.3 | 8.3 |
| HID | ↑ 7.0% | 0.0%  | -     | -    | -   |
| DTT | ↑ 6.9% | 5.9%  | 866   | 10.9 | 0.6 |
| LGL | ↑ 6.8% | -1.1% | (155) | -    | 0.7 |
| TCO | ↑ 6.8% | 13.6% | 1,732 | 6.4  | 0.9 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| KST | ↑ 27.9% | 13.9% | 2,589 | 2.1   | 0.3 |
| PPP | ↑ 10.0% | 9.2%  | 1,134 | 9.7   | 0.9 |
| DST | ↑ 9.9%  | 0.4%  | 56    | 611.7 | 3.4 |
| TET | ↑ 9.7%  | 11.8% | 1,508 | 18.0  | 2.2 |
| DLR | ↑ 9.5%  | -3.1% | (292) | -     | 1.3 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VNM | 961,490 | 43.1% | 6,521 | 20.5 | 9.5 |
| VCB | 350,710 | 14.3% | 1,875 | 18.6 | 2.6 |
| PC1 | 265,000 | 23.1% | 5,815 | 6.2  | 1.4 |
| HBC | 153,320 | 28.7% | 3,760 | 7.1  | 1.8 |
| HSG | 148,150 | 41.1% | 7,637 | 6.0  | 2.2 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE    | EPS     | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-----|-----|
| TIG | 281,500 | 8.5%   | 999     | 3.7 | 0.3 |
| PVC | 123,500 | -2.9%  | (643)   | -   | 0.5 |
| VKC | 112,000 | 22.9%  | 3,179   | 5.2 | 1.3 |
| SDH | 76,700  | -22.3% | (1,997) | -   | 0.3 |
| PMC | 55,400  | 33.3%  | 7,721   | 9.1 | 2.9 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VNM | 194,059 | 43.1% | 6,521 | 20.5 | 9.5 |
| GAS | 126,281 | 11.7% | 2,618 | 25.2 | 3.1 |
| VCB | 125,562 | 14.3% | 1,875 | 18.6 | 2.6 |
| SAB | 110,813 | 28.1% | 6,335 | 27.3 | 8.3 |
| VIC | 110,784 | 4.6%  | 731   | 57.4 | 4.2 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| ACB | 16,760  | 8.8%  | 1,189  | 14.3 | 1.2 |
| VCS | 7,668   | 51.6% | 11,233 | 11.4 | 5.0 |
| PVS | 7,639   | 8.9%  | 2,366  | 7.2  | 0.7 |
| VCG | 5,831   | 5.5%  | 906    | 14.6 | 1.0 |
| NTP | 5,771   | 22.5% | 5,240  | 14.8 | 3.1 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| VNH | 3.96 | -19.8% | (872)   | -    | 0.4 |
| QBS | 3.76 | 5.9%   | 686     | 6.8  | 0.4 |
| PAC | 3.72 | 20.2%  | 2,305   | 14.1 | 2.8 |
| TMT | 3.62 | 13.1%  | 1,494   | 10.0 | 1.3 |
| HAG | 3.54 | -8.4%  | (1,851) | -    | 0.3 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-----|-----|
| HKB | 6.73 | 3.0%  | 384   | 5.5 | 0.2 |
| FID | 6.00 | 3.6%  | 439   | 3.9 | 0.2 |
| SDP | 4.46 | 6.4%  | 895   | 5.3 | 0.3 |
| TFC | 4.20 | 23.2% | 3,003 | 2.4 | 0.4 |
| TEG | 4.02 | 12.4% | 1,377 | 7.0 | 0.8 |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Xuân Bách**  
[bach.tx@shs.com.vn](mailto:bach.tx@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---